

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U M T  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2022

*Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, KIÊN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hoàng Khởi  
2. Ông Nguyễn Hoàng Hổ

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện U M T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T:* Ông Tôn Minh Nhật –  
Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1993 (có mặt).

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Tấn C, sinh năm 1985 (có mặt )

Cùng địa chỉ: Ấp V T, xã V, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/7/2020 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày:***

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Tấn C đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2011 tại UBND xã TB, xã G, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, sống không hiểu nhau,

mỗi người một ý không ai chịu nhường ai. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm, nhưng không thành, mâu thuẫn càng trầm trọng thêm. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung: 1/ Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/9/2009, giới tính nữ; 2/ Nguyễn Thị Kim Nh, sinh ngày 04/9/2011, giới tính nữ; 3/ Nguyễn Thiện A, sinh ngày 14/4/2016, giới tính nam. Khi ly hôn con theo ai người đó nuôi, con theo chị T chị đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại Biên bản hòa giải ngày 05/01/2022 bị đơn anh Nguyễn Tấn C trình bày:***

Vợ chồng chúng tôi tự tìm hiểu yêu thương được 03 năm, thì tổ chức đám cưới, đến ngày 07/6/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, xã G, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn lý do vợ chồng thường có những lời lẽ không phù hợp. Đến năm 2021 tôi đi làm ở huyện G, tỉnh Kiên Giang về thì vợ tôi ở nhà ăn cơm chung với tôi, nhưng tối thì qua nhà cha vợ (kế bên) ngủ, nên tôi không đồng ý và có nói nếu vợ tôi qua nhà cha vợ ngủ, thì qua nhà cha vợ ở luôn đi, từ đó mâu thuẫn trầm trọng thêm và ly thân cho đến nay. Nay vợ tôi yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung 1/ Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/9/2009, giới tính nữ; 2/ Nguyễn Thị Kim Nh, sinh ngày 04/9/2011, giới tính nữ; 3/ Nguyễn Thiện A, sinh ngày 14/4/2016, giới tính nam. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh C xin nuôi 03 con không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Tấn C. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung được quy định

tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Hồng T và anh Nguyễn Tấn C tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, xã G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/6/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng dần về sau thì vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, sống không hiểu nhau, mỗi người một ý không ai chịu nhường ai. Sự việc cũng được vợ chồng nhiều lần hàn gắn không thành, cuộc sống không còn hạnh phúc. Ngày 09 tháng 10 năm 2021 thì anh C đánh chị T phải nằm viện điều trị và từ đó ly thân cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị T là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra anh, chị phải biết nhường nhịn lẫn nhau tạo điều kiện để hàn gắn gia đình nuôi dạy con cái mới đúng, đằng này anh, chị lại đánh nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Chị T, anh C có 03 người con chung tên 1/ Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/9/2009, giới tính nữ; 2/ Nguyễn Thị Kim Nh, sinh ngày 04/9/2011, giới tính nữ; 3/ Nguyễn Thiện A, sinh ngày 14/4/2016, giới tính nam, hiện nay các con đang sống chung 01 nhà. Tại phiên tòa anh C và chị T thỏa thuận giao 03 người con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 người con mỗi tháng 2.400.000 đồng (mỗi người con 800.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi nghĩ nên ghi nhận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Về tố tụng Thẩm phán – HĐXX đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị T ly hôn với anh C. Về con chung ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh C và chị T. Về tài sản, nợ chung anh C chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị T được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004282 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T. Chị T không phải nộp thêm. Anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Cho chị Nguyễn Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C.
2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nguyễn Tấn C và chị Nguyễn Hồng T Giao 03 người con chung 1/ Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/9/2009; 2/ Nguyễn Thị Kim Nh, sinh ngày 04/9/2011; 3/ Nguyễn Thiện A, sinh ngày 14/4/2016, cho chị Nguyễn Hồng T nuôi dưỡng, anh C, cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.400.000 đồng (mỗi cháu 800.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ngày cấp dưỡng đầu tiên là ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Tấn C, có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị T được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004282 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T. Chị T không phải nộp thêm. Anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận**

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Lợi**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Tấn Đạt;      Nguyễn Hoàng Hồ**

**Nguyễn Tấn Lợi**

**Nơi nhận:**

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H. U M T;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U M T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Lợi**